

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Duy Báu	Chủ tịch
Ông Ngô Hải An	Ủy viên
Ông Mai Văn Dinh	Ủy viên
Ông Đỗ Công Hiền	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Duy Báu	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2011)
Ông Ngô Hải An	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 17 tháng 01 năm 2011)
Ông Mai Văn Dinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đức Cung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tống Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Ngô Hải An
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 8 năm 2011

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: **Các cổ đông**
 Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Xây dựng số 5

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 04 đến trang 23. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán được phát hành ngày 28 tháng 01 năm 2011 với ý kiến chấp nhận toàn phần. Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Công ty được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kết quả công tác soát xét được phát hành ngày 28 tháng 7 năm 2010 với ý kiến không có vấn đề gì trọng yếu cần lưu ý trong báo cáo tài chính.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 17 tháng 8 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lã Toàn Thắng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0771/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		662.361.473.576	583.383.309.774
I. Tiền	110	5	31.631.764.801	34.215.773.514
1. Tiền	111		31.631.764.801	34.215.773.514
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		254.192.156.840	216.711.143.315
1. Phải thu khách hàng	131		213.503.504.840	178.607.342.028
2. Trả trước cho người bán	132		42.238.539.228	38.460.655.841
3. Các khoản phải thu khác	135		570.818.371	283.493.514
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.120.705.599)	(640.348.068)
III. Hàng tồn kho	140	6	370.941.860.283	329.871.833.310
1. Hàng tồn kho	141		370.941.860.283	329.871.833.310
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.595.691.652	2.584.559.635
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.441.104.774	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.154.586.878	2.584.559.635
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		51.385.684.178	36.129.174.761
I. Tài sản cố định	220		47.549.427.478	31.928.743.708
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	46.315.592.577	30.688.668.807
- Nguyên giá	222		96.644.385.830	78.066.371.459
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.328.793.253)	(47.377.702.652)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	1.233.834.901	1.240.074.901
II. Tài sản dài hạn khác	260		3.836.256.700	4.200.431.053
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.836.256.700	4.200.431.053
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		713.747.157.754	619.512.484.535

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		615.303.455.057	519.234.754.798
I. Nợ ngắn hạn	310		594.966.093.360	503.090.726.216
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9	205.490.016.702	165.378.064.161
2. Phải trả người bán	312		151.760.763.242	128.499.047.845
3. Người mua trả tiền trước	313		179.438.144.041	172.520.772.422
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	3.720.642.965	5.154.905.789
5. Phải trả người lao động	315		4.463.854.874	10.369.763.874
6. Chi phí phải trả	316	11	42.914.077.528	12.830.573.236
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	2.327.966.137	2.473.687.392
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.850.627.871	5.863.911.497
II. Nợ dài hạn	330		20.337.361.697	16.144.028.582
1. Vay và nợ dài hạn	334	13	17.047.137.700	7.306.280.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.901.530.391	1.928.359.241
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.388.693.606	6.909.389.341
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		91.147.954.906	93.398.585.962
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	91.147.954.906	93.398.585.962
1. Vốn điều lệ	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.828.000.000	9.828.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		5.397.093.115	1.225.495.749
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	117.425
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		16.840.850.652	17.320.148.776
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.870.807.967	2.327.731.740
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.211.203.172	12.697.092.272
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		7.295.747.791	6.879.143.775
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		713.747.157.754	619.512.484.535

Ngô Hải An
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 8 năm 2011

Mai Văn Sơn
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	381.943.601.155	231.439.277.742
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		381.943.601.155	231.439.277.742
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	356.601.114.859	215.526.097.910
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		25.342.486.296	15.913.179.832
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		408.512.997	345.753.354
7. Chi phí tài chính	22	17	10.149.142.079	5.534.250.420
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.149.142.079</i>	<i>5.534.250.420</i>
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.161.718.280	5.693.987.880
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		6.440.138.934	5.030.694.886
10. Thu nhập khác	31		2.090.707.937	1.329.594.908
11. Chi phí khác	32		17.408.822	5.966.665
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.073.299.115	1.323.628.243
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8.513.438.049	6.354.323.129
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	2.128.359.512	1.718.886.722
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		6.385.078.537	4.635.436.407
<i>Phân phối cho:</i>				
Cổ đông của Công ty mẹ			6.211.203.172	4.615.753.444
Lợi ích của cổ đông thiểu số			173.875.365	19.682.963
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	1.242	923

Ngô Hải An
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 8 năm 2011

Mai Văn Sơn
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày	Từ ngày
		01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.513.438.049	6.354.323.129
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.790.610.655	3.700.221.244
Các khoản dự phòng	03	1.480.357.531	-
(Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.481.812.112)	709.361.147
Chi phí lãi vay	06	10.149.142.079	5.534.250.420
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	22.451.736.202	16.298.155.940
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(41.972.620.498)	28.007.314.461
(Tăng) hàng tồn kho	10	(41.070.026.973)	(26.189.833.171)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	47.904.119.375	(28.333.057.566)
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	364.174.353	(614.028.048)
Tiền lãi vay đã trả	13	(9.615.606.733)	(5.534.250.420)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.535.996.461)	(565.236.417)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	2.448.187.634
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.033.115.906)	(6.403.962.091)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(27.507.336.641)	(20.886.709.678)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(20.428.703.247)	(5.958.594.587)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.090.707.937	1.299.155.908
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	408.512.997	345.753.354
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.929.482.313)	(4.313.685.325)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của các cổ đông	31	-	1.006.500.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	256.049.094.740	163.382.254.866
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(206.196.284.499)	(135.574.185.668)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	42.852.810.241	21.814.569.198
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.584.008.713)	(3.385.825.805)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	34.215.773.514	47.074.390.573
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	31.631.764.801	43.688.564.768

Ngô Hải An
Tổng Giám đốc

Mai Văn Sơn
Kế toán trưởng

Ngày 17 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa theo Quyết định số 1552/QĐ-BXD ngày 04 tháng 10 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2603000225 ngày 5 tháng 11 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Công ty đã thực hiện niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 8 tháng 01 năm 2008 theo Quyết định số 07/QĐ-TTGDHN ngày 8 tháng 01 năm 2008 về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VC5.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, công ty có một (01) công ty con là Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí Nội thất Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng các công trình công nghiệp và thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, cảng thủy và cảng hàng không; Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện; Gia công cơ khí xử lý và tráng phủ kim loại; Trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Đầu tư khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Dịch vụ môi giới, cung ứng và quản lý lao động trong nước;
- Bán buôn tổng hợp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sửa chữa, bảo trì: Thiết bị cơ, điện, nước, và các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Kinh doanh các sản phẩm từ gỗ công nghiệp phục vụ trong xây dựng và gia dụng;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty không có hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 8
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 5
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, dàn giáo, cốp pha đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai (2) trường hợp sau:

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, không có khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận do Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu trong kỳ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. TIỀN

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	4.633.529.446	315.774.683
Tiền gửi ngân hàng	26.998.235.355	33.899.998.831
	31.631.764.801	34.215.773.514

6. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.144.219.514	4.102.724.580
Công cụ, dụng cụ	556.120.266	204.539.339
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	360.171.899.230	325.494.948.118
Thành phẩm	44.892.755	44.892.755
Hàng hóa	24.728.518	24.728.518
	370.941.860.283	329.871.833.310

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	11.878.300.441	42.797.656.948	15.169.759.677	8.220.654.393	78.066.371.459
Mua trong kỳ		3.635.295.455	748.543.183	16.051.104.609	20.434.943.247
Thanh lý, nhượng bán	-	1.055.016.921	801.911.955	-	1.856.928.876
Tại ngày 30/6/2011	11.878.300.441	45.377.935.482	15.116.390.905	24.271.759.002	96.644.385.830
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	4.508.144.513	24.558.939.216	10.559.145.754	7.751.473.169	47.377.702.652
Trích khấu hao trong kỳ	140.168.986	2.855.537.636	801.901.629	993.002.404	4.790.610.655
Thanh lý, nhượng bán	-	1.037.608.099	801.911.955	-	1.839.520.054
Tại ngày 30/6/2011	4.648.313.499	26.376.868.753	10.559.135.428	8.744.475.573	50.328.793.253
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2011	7.229.986.942	19.001.066.729	4.557.255.477	15.527.283.429	46.315.592.577
Tại ngày 31/12/2010	7.370.155.928	18.238.717.732	4.610.613.923	469.181.224	30.688.668.807

Nguyên giá của tài sản cố định tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 24.433.413.368 VND (31/12/2010 là 24.630.863.495 VND)

Như trình bày tại Thuyết minh số 9 và 13, Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 17.659.711.137 VND (31/12/2010 là 23.152.301.180 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.240.074.901	1.394.225.101
Phát sinh tăng trong kỳ	15.974.696.428	6.240.000
Chuyển sang tài sản cố định	15.980.936.428	-
Giảm khác	-	160.390.200
Số dư cuối kỳ	1.233.834.901	1.240.074.901

9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	197.955.376.702	161.423.424.161
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 13)	7.534.640.000	3.954.640.000
	205.490.016.702	165.378.064.161

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay bằng VND từ các ngân hàng thương mại dưới hình thức các hợp đồng vay có thời hạn nhỏ hơn 01 năm. Các khoản vay này được dùng để bổ sung vốn lưu động của Công ty, thực hiện các công trình trong năm và được đảm bảo bằng tài sản cố định, lãi suất được quy định theo từng hợp đồng vay từ 14%/năm đến 20,5%/năm.

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn theo ngân hàng như sau:

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn	129.654.673.659	102.197.225.750
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn	60.922.790.955	44.166.109.254
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	7.377.912.088	15.060.089.157
	197.955.376.702	161.423.424.161

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.549.725.822	2.578.245.540
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.114.342.894	2.491.912.828
Thuế thu nhập cá nhân	37.033.250	31.293.621
Các loại thuế khác	19.540.999	53.453.800
	3.720.642.965	5.154.905.789

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trích trước chi phí kiểm toán	79.784.091	15.909.091
Chi phí trích trước các công trình	37.042.322.658	12.265.501.290
<i>Nhà ở CBCNV công trình thủy điện Cửa Đạt</i>	<i>349.151.966</i>	<i>-</i>
<i>Gói thầu 15/Xi Măng Bim Sơn</i>	<i>248.096.543</i>	<i>-</i>
<i>Chung cư An Khánh</i>	<i>26.499.000.286</i>	<i>-</i>
<i>Chi cục thuế Triệu Sơn</i>	<i>969.173.580</i>	<i>-</i>
<i>Lò vôi 250m3 Bim Sơn</i>	<i>-</i>	<i>104.851.582</i>
<i>Chi cục thuế Bim Sơn</i>	<i>670.877.022</i>	<i>670.877.022</i>
<i>Tiền sửa chữa nhà máy xi măng Bim Sơn</i>	<i>-</i>	<i>776.516.856</i>
<i>Đường mương thoát nước xi măng Nghi Sơn</i>	<i>-</i>	<i>98.993.004</i>
<i>Trạm phân phối điện 110 KW thủy điện Cửa Đạt</i>	<i>435.743.240</i>	<i>435.743.240</i>
<i>Trụ sở Tổng Công ty 34 Láng Hạ</i>	<i>701.770.082</i>	<i>701.770.082</i>
<i>Nhà BHXH tỉnh Hà Nam</i>	<i>-</i>	<i>1.220.792.335</i>
<i>Gua cổ đập phụ ,khu vận hành Đường 252m Cửa Đạt</i>	<i>-</i>	<i>1.087.447.230</i>
<i>Tuyến đường 5* khu Công nghệ cao Hòa Lạc</i>	<i>6.537.013.828</i>	<i>6.537.013.828</i>
<i>Tòa tháp Ngôi Sao</i>	<i>431.935.548</i>	<i>431.935.548</i>
<i>Khu phụ trợ, kho kín kho hồ Thủy điện Cửa Đạt</i>	<i>199.560.563</i>	<i>199.560.563</i>
Chi phí lãi vay	533.535.346	-
Hàng hóa, dịch vụ mua về chưa có hóa đơn	4.724.507.743	-
Chi phí trích trước khác	533.927.690	549.162.855
	42.914.077.528	12.830.573.236

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	886.154.919	963.604.779
Bảo hiểm xã hội	347.368.000	37.097.000
Bảo hiểm y tế	4.402.000	4.402.000
Tài sản thừa chờ giải quyết	12.167.582	12.167.582
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.077.873.636	1.456.416.031
	2.327.966.137	2.473.687.392

13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn (i)	21.750.177.700	7.812.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (ii)	2.831.600.000	3.448.920.000
	24.581.777.700	11.260.920.000

13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- (i) Các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn:
- Ngày 28 tháng 5 năm 2007, Công ty ký Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/07/HĐ với hạn mức cho vay là 10.000.000.000 đồng, thời hạn vay 7 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay áp dụng cho năm 2007 là 1%/tháng (12%/năm). Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 trở đi áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng/lần, vào ngày 01/01 và ngày 01/07 hàng năm trên cơ sở lãi suất huy động bình quân kỳ hạn 12 tháng (trả lãi sau) tại thời điểm chỉnh cộng (+) biên độ tối thiểu 3,5%/ năm, biên độ được điều chỉnh theo kết quả phân loại khách hàng tại thời điểm gần nhất và thông báo của ngân hàng về biên độ áp dụng đối với từng nhóm khách hàng tại thời điểm điều chỉnh (nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay cùng loại đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh). Mục đích khoản vay để đầu tư thiết bị thủ công cho các công trình thủy điện và công trình nhà cao tầng, dây chuyền trạm trộn bê tông thương phẩm công suất 60m³/h. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của công trình. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, số dư của khoản vay này là 1.452.000.000 đồng.
 - Ngày 23 tháng 7 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/10/HĐ, hạn mức cho vay 5.600.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm kể từ ngày lập hợp đồng, lãi suất cho vay 14%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân, lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất cho vay cùng loại tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích của khoản vay để đầu tư thiết bị bổ sung dây chuyền trạm trộn và cung ứng bê tông cho xây dựng. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, số dư khoản vay này là 5.000.000.000 đồng.
 - Ngày 11 tháng 11 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 02/10/HĐ, hạn mức vay là 17.900.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm, lãi suất cho vay từng lần được áp dụng lãi suất tại thời điểm khách hàng nhận vốn vay và được thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ lần rút vốn vay đầu tiên và bằng lãi suất cho vay cùng loại tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích khoản vay để thanh toán tiền mua máy móc, thiết bị thi công. Khoản vay được đảm bảo từ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, số dư khoản vay này là 15.298.177.700 đồng.
- (ii) Các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt:
- Ngày 25 tháng 12 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 378.09.056.39504.TD, số tiền cam kết cho vay tối đa là 2.362.500.000 đồng, thời hạn 48 tháng, lãi suất cho vay kỳ đầu tiên là 12%/ năm, kỳ hạn điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 04/01/2010, các kỳ tiếp theo là ngày làm việc đầu tiên mỗi tháng được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 24 tháng của Ngân hàng (loại trả lãi sau) cộng biên độ 4%/ năm. Mục đích của khoản vay là đầu tư mua 01 cầu bánh xích. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, số dư khoản vay này là 1.461.600.000 đồng.
- Ngày 27 tháng 4 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 112.10.056.39504.TD, số tiền cam kết tối đa là 796.000.000 đồng, thời hạn thanh toán 38 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm vay là 16%/năm, lãi suất thả nổi bắt đầu được áp dụng từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên và được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân loại 24 tháng VND (trả lãi sau) của ngân hàng được công bố và áp dụng tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng lãi suất biên là 4,2%/ năm, lãi suất biên có thể được thay đổi theo thỏa thuận của các bên trên cơ sở lãi suất thị trường tại từng thời điểm. Trong mọi trường hợp, lãi suất thả nổi không thấp hơn 15,2%/ năm. Mục đích vay là để đầu tư mua 1 máy đào bánh lốp. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay, giá trị tài sản là 1.138.214.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, số dư của khoản vay này là 550.000.000 đồng.- Ngày 17 tháng 6 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 180.10.056.39504.TD, số tiền cam kết cho vay tối đa là 1.230.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là 36 tháng kể từ khoản vay đầu tiên, lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm vay là 15%/năm. Lãi suất thả nổi bắt đầu được áp dụng từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên và được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân loại 24 tháng VND (trả lãi sau) của ngân hàng được công bố và áp dụng tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng lãi suất biên là 3,5%/ năm, lãi suất biên có thể được thay đổi theo thỏa thuận của các bên trên cơ sở lãi suất thị trường tại từng thời điểm. Mục đích vay là để đầu tư mua trạm trộn bê tông công suất 60m³/h mới 100%. Khoản vay được bảo đảm bởi tài sản hình thành từ vốn vay, giá trị tài sản là 1.762.200.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, số dư của khoản vay này là 820.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	7.534.640.000	3.954.640.000
Trong năm thứ hai	6.746.640.000	2.834.640.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	10.300.497.700	4.471.640.000
	24.581.777.700	11.260.920.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	7.534.640.000	3.954.640.000
(được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)		
Số phải trả sau 12 tháng	17.047.137.700	7.306.280.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ
ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2010	50.000.000.000	9.828.000.000	-	-	11.358.818.115	1.544.827.062	18.504.858.941	91.236.504.118
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	14.180.906.417	14.180.906.417
Tăng khác	-	-	1.225.495.749	117.425	-	-	-	1.225.613.174
Trích các quỹ	-	-	-	-	6.633.608.228	782.904.678	(9.887.428.103)	(2.470.915.197)
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	-	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(672.277.567)	-	(3.101.244.983)	(3.773.522.550)
Số dư tại ngày 01/01/2011	50.000.000.000	9.828.000.000	1.225.495.749	117.425	17.320.148.776	2.327.731.740	12.697.092.272	93.398.585.962
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	6.211.203.172	6.211.203.172
Chuyển từ quỹ khác sang	-	-	4.171.597.366	-	(4.171.597.366)	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	586.285	-	-	-	586.285
Trích các quỹ	-	-	-	-	4.348.801.687	609.188.015	(5.637.592.272)	(679.602.570)
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	-	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(703.710)	(656.502.445)	(66.111.788)	(59.500.000)	(782.817.943)
Số dư tại ngày 30/6/2011	50.000.000.000	9.828.000.000	5.397.093.115	-	16.840.850.652	2.870.807.967	6.211.203.172	91.147.954.906

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần ngày 16 tháng 02 năm 2011 (thay đổi lần 8) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			Vốn thực góp đến ngày 30/6/2011		
	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Thành tiền VND	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Thành tiền VND
Tổng Công ty Cổ phần						
Xuất nhập khẩu và Xây						
dựng Việt Nam	2.550.000	51,00%	25.500.000.000	2.550.000	51,00%	25.500.000.000
Các cổ đông khác	2.450.000	49,00%	24.500.000.000	2.450.000	49,00%	24.500.000.000
	5.000.000	100,00%	50.000.000.000	5.000.000	100,00%	50.000.000.000

Cổ tức

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức với số tiền là 7.000.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 về phương án phân phối lợi nhuận năm 2010.

15. DOANH THU

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	377.934.176.085	223.150.367.564
Doanh thu khác	4.009.425.070	8.288.910.178
	381.943.601.155	231.439.277.742

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	352.771.362.179	208.714.430.871
Giá vốn khác	3.829.752.680	6.811.667.039
	356.601.114.859	215.526.097.910

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính là chi phí vay phát sinh trong kỳ.

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.149.142.079	5.534.250.420
	10.149.142.079	5.534.250.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	8.513.438.049	6.354.323.129
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	30.000.000
Thu nhập chịu thuế	8.513.438.049	6.384.323.129
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.128.359.512	1.596.080.782
Điều chỉnh khác	-	122.805.940
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.128.359.512	1.718.886.722

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.211.203.172	4.615.753.444
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.242	923

20. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
Bán hàng	VND	VND
Văn phòng Tổng Công ty	58.783.521.927	19.744.004.183
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	92.955.425.141	9.169.741.818
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	32.789.558.961	-
Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	4.898.601.800	-
Ban điều hành Dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt	8.063.220.000	6.746.940.400
Ban điều hành dự án nhà ở Xã hội tại Đà Nẵng	3.189.418.948	-
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	-	5.469.754.187
Ban quản lý Đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ Sông Đà Hà	-	315.369.701

Số dư với các bên liên quan

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải thu		
Ban Điều hành Dự án Xây dựng Đại học Quốc gia TP.HCM	-	2.321.347.058
Ban điều hành Liên doanh Tổng thầu Vinaconex - POSCO E&C	517.831.848	-
Ban Điều hành Thi công Giai đoạn 1 Dự án KĐT Bắc An Khánh	2.191.243.917	9.191.243.917
Ban Quản lý dự án xây dựng hệ thống nước Sông Đà	690.836.857	690.836.857
Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	406.415.000	4.900.166.516
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	918.897.905	918.897.905
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Vinaconex	32.529.244.150	12.325.928.835
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và kxy thuật Vinaconex	2.897.316.851	2.897.316.851
Công ty Cổ phần VIMECO	1.477.376.656	1.477.376.656
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Xuân Mai Vinaconex	4.443.738.902	10.491.898.887
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình ngầm Vinavico	10.909.183.602	13.760.535.281
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	43.616.697.020	48.642.025
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	27.293.887.376	46.399.256.567
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam hoặc P&C	1.580.071.359	1.464.776.931
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	109.409.169	109.409.169
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	-	287.378.800
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	227.663.617	-

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải trả		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và đô thị Vinaconex (Công trình số 5)	28.080.123.164	16.194.374.656
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển hạ tầng Vinaconex	162.044.497	362.044.497
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	96.184.000	75.564.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	344.599.619	344.599.619
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	-	346.060.000
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	8.592.240.281	13.672.353
Công ty Cổ phần VIMECO	42.269.489.623	46.625.978.717
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	846.552.694	1.924.027.694
	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Người mua trả trước		
Ban Điều hành Liên doanh Tổng thầu Vinaconex - POSCO E&C	-	2.865.530.132
Ban Điều hành Thi công Giai đoạn 1 Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh	4.747.523.700	2.747.523.700
Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng -	3.300.899.351	2.789.871.373
Công ty Cổ phần Vimeco	4.344.399.166	4.344.399.166
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 - Vinaconex 2	7.374.018.416	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	8.353.050.090	23.888.050.090
Tổng Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt	15.004.907.322	11.324.132.384

22. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 25 tháng 3 năm 2011, Công ty đang xây dựng phương án tăng vốn điều lệ năm 2011 từ 50 tỷ VND lên 100 tỷ VND bằng hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1, phát hành cho Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam 2.550.000 cổ phần để đảm bảo tỷ lệ sở hữu 51% tổng vốn điều lệ của Công ty, phát hành cho các cổ đông hiện hữu khác 2.450.000 cổ phần.

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán được phát hành ngày 28 tháng 01 năm 2011 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Công ty được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kết quả công tác soát xét được phát hành ngày 28 tháng 7 năm 2010 với ý kiến không có vấn đề gì trọng yếu cần lưu ý trong báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Khoản mục	Số trước phân loại lại 31/12/2010 VND	Số sau phân loại lại 31/12/2010 VND	Chênh lệch VND
Vay và nợ dài hạn	11.260.920.000	7.306.280.000	3.954.640.000
Vay và nợ ngắn hạn	161.423.424.161	165.378.064.161	(3.954.640.000)

Ngô Hải An
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 8 năm 2011

Mai Văn Sơn
Kế toán trưởng